TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ M** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **01**/ 2021/HNGĐ- ST
Ngày: 07/01/2021
"Tranh chấp về ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ M, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa: Bà Vũ Thị Thanh Phương
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Hân và bà Đinh Thanh Hoàn
- Thư ký phiên Tòa: Ông: Trịnh Đức Tâm
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố M tham gia phiên Toà: ông Trần Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 01 năm 2021 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Quảng Ninh mở phiên Tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 190/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2020 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2020/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2020; Quyết định hoãn phiên Tòa số 24 ngày 30/11/2020 và Quyết định hoãn phiên Tòa số 26 ngày 22/12/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Duyên Th, sinh năm 1990; Nơi ĐKHKTT: Thôn x, xã H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh. Tạm trú: thôn M, khu H, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt có lý do.

Bị đơn: Anh Hán Văn Th1, sinh năm 1988; Nơi cư trú: Thôn x, xã H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/9/2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Duyên Th trình bày:

-Về tình cảm: Chị Th và anh Th1 chung sống với nhau có đăng ký kết hôn năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã H trên cơ sở tự nguyện, có thời gian tìm hiểu trước hôn nhân. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh chị có nhiều bất đồng trong cuộc sống, thường xảy ra cãi vã, xung đột; anh Th1 luôn tụ tập bạn bè uống rượu

vào là chửi mắng chị thậm tệ; gia đình hai bên đã khuyên can, hòa giải xong không có kết quả. Hiện chị Th đã về quê ngoại ở Đ sinh sống, bản thân anh Th1 có về quê chị Th để xin lỗi và đón chị về nhưng vẫn không thay đổi lối sống, cách cư xử với gia đình và vợ con nên chị không đồng ý. Nay chị không còn tình cảm với anh Th1 nữa và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Th1.

-Về con chung: Chị Th và anh Th1 có 02 con chung là: Hán Bình Y sinh ngày 16/3/2012 và Hán Thành T, sinh ngày 31/01/2017. Quá trình giải quyết vụ án chị Th có quan điểm được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Hán Thành T vì trước khi về ngoại chị Th có đưa cháu T về ở cùng. Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 27/11/2020 và ngày 06/01/2021 chị Th có quan điểm thay đổi nội dung về con chung chị đề nghị được nuôi con chung Hán Bình Y vì ngày 15/11/2020 anh Th1 có về Đ và đón cháu T về M chăm sóc, mặt khác cháu T là cháu nội đích tôn của nhà anh Th1 nên để anh Th1 là người nuôi dưỡng con chung Hán Thành T sẽ hợp lý. Việc cấp dưỡng nuôi con chung chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Về tài sản chung: Không có.

-Về khoản nợ: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa, anh Hán Văn Th1 trình bày:

- Về tình cảm: Việc chung sống, đăng ký kết hôn như chị Th trình bày là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng anh Th1 thừa nhận là do anh có ham chơi, cả nể bạn bè nên hay uống rượu khiến chị Th chán nản. Khoảng tháng 9/2020 khi anh đang tham gia tiệc liên hoan với bạn thì có nghe mẹ anh gọi điện nói với anh là chị Th đã đem theo con chung Hán Thành T bỏ đi; anh Th1 đã về quê ngoại xin lỗi và đón chị Th về M nhưng chị Th không đồng ý. Tại phiên Tòa hôm nay anh thấy vợ chồng đã có sự xung đột mâu thuẫn kéo dài, bản thân chị Th không cho anh cơ hội để sửa chữa nên anh cũng nhất trí với yêu cầu xin ly hôn của chị Th.

- Về con chung: Anh chị có 02 con chung là: Hán Bình Y sinh ngày 16/3/2012 và Hán Thành T, sinh ngày 31/01/2017. Quá trình điều tra anh Th1 trình bày do anh không đồng ý ly hôn nên cũng không có quan điểm về con chung, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định. Tại phiên Tòa anh đề nghị được nuôi cả hai con chung, còn nếu mỗi người nuôi một con chung thì anh xin được nuôi con chung là Hán Thành T và không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về các khoản nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã nộp các chứng cứ gồm: Giấy chứng nhận kết hôn (01 bản sao); Giấy chứng minh nhân dân (02 bản sao); Giấy khai sinh (02 bản sao); Sổ hộ khẩu (01 bản sao); Cuống gửi bưu điện (01 bản chính).

Chứng cứ do Tòa án thu thập gồm:

- Biên bản lấy lời khai của con chung Hán Bình Y, sinh ngày 16/3/2012 tại trường tiểu học H, quan điểm của cháu Hán Bình Y muốn được ở với cả bố lẫn mẹ.

- Biên bản xác minh tại chính quyền địa phương ngày 05/11/2020 thể hiện nội dung:Về nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng anh chị Th - Th1 chính quyền địa phương không nắm rõ. Tuy nhiên về lối sống của 2 anh chị ở địa phương thì chị Th là người có lối sống bình thường, còn anh Th1 là người có lối sống chơi bời, rượu chè, từng có tiền án, có thể xuất phát từ lối sống như trên của anh Th1 khiến chị Th bỏ về quê ngoại và đã sống ly thân với anh Th1.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố M phát biểu như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm HĐXX nghị án:

+ Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng qui định của pháp luật;

+ Về tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn có mặt tại phiên Tòa.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Duyên Th về việc: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con".

+ Về tình cảm: Xử cho chị Nguyễn Thị Duyên Th được ly hôn với anh Hán Văn Th1.

+ Về con chung: Giao cho chị Th được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung Hán Bình Y, anh Th1 là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung Hán Thành T cho đến khi các con chung đủ tuổi thành niên, các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

+ Về tài sản và các khoản nợ chung: Các đương sự đều trình bày không có, nên không xét.

Những nội dung các đương sự đã thống nhất được tại phiên Tòa: Về tình cảm, về con chung, về tài sản và các khoản nợ chung.

Những nội dung các đương sự không thống nhất được: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; sau khi nghe bị đơn trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và quan điểm giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

1.1. *Xác định quan hệ tranh chấp*: Chị Nguyễn Thị Duyên Th và anh Hán Văn Th1 chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn từ năm 2010 tại UBND xã H, thành phố M trên cơ sở tự nguyện, đảm bảo đầy đủ các điều kiện kết hôn theo qui định của pháp luật làm phát sinh quan hệ hôn nhân hợp pháp. Khi phát sinh tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố M theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2. *Về xác định thẩm quyền giải quyết, tư cách tố tụng:* Các đương sự đều có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn x, xã H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền của giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố M , tỉnh Quảng Ninh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự . Chị Th là người làm đơn khởi kiện nên có tư cách là "nguyên đơn"; anh Th1 là người bị chị Th khởi kiện nên có tư cách là "bị đơn" theo khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

1.3. *Về thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải:* Tòa án đã ra thông báo về việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải báo cho các đương sự tham gia phiên họp, phiên hòa giải nhưng anh Th1 không có mặt, chị Th có quan điểm đề nghị Tòa án không tiến hành mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án đã không tiến hành mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại Điều 210 Bộ luật tố tụng dân sự.

1.4. *Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ đối với các đương sự :* Quá trình giải quyết vụ án , Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của các đương sự theo quy định, Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn có mặt. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, bị đơn có cơ sở xác định:

Về tình cảm: Chị Th và anh Th1 chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn năm 2010 tại Uỷ ban nhân dân xã H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh trên cơ sở tự nguyện, sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc một thời gian. Chị Th trình bày thời gian phát sinh mâu thuẫn là năm 2017 do có nhiều bất đồng cãi vã và đã được gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Bản thân anh Th1 có thừa nhận là người ham vui với bạn bè nên thường xuyên rượu chè không có sự quan tâm chăm sóc đến gia đình dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn. Thời gian qua anh có xin lỗi và đón vợ con về mục đích hàn gắn tình cảm vợ chồng xong

chị Th không đồng ý vì chị không còn tình cảm, sự yêu thương tôn trọng đối với anh Th1 nữa.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Duyên Th thấy: Cuộc sống tình cảm vợ chồng anh chị có sự rạn nứt mâu thuẫn nguyên nhân do anh Th1 có lối sống buông thả, chơi bời không quan tâm đến gia đình đã làm ảnh hưởng đến quyền được hưởng sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau của các thành viên trong gia đình dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt, cuộc sống chung không có hạnh phúc; tại phiên Tòa hôm nay anh Th1 cũng thừa nhận việc hàn gắn tình cảm vợ chồng là khó vì chị Th không cho anh cơ hội, vợ chồng đã sống ly thân không còn sự yêu thương quan tâm chăm sóc lẫn nhau từ vài tháng nay. Do đó yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Th là có cơ sở nên cần chấp nhận, xử cho chị Th được ly hôn anh Th1.

Về con chung: Các đương sự thống nhất có 02 con chung là Hán Bình Y sinh ngày 16/3/2012 và Hán Thành T, sinh ngày 31/01/2017. Chị Th đề nghị được nuôi con chung là Hán Bình Y; xét thấy con chung Hán Bình Y là con gái, lại sắp đến tuổi thay đổi tâm sinh lý nên cần có sự quan tâm chăm sóc trực tiếp từ người mẹ, do đó cần giao con chung Hán Bình Y cho chị Th nuôi dưỡng là phù hợp. Tại phiên Tòa anh Th1 đề nghị được nuôi cả hai con chung, nếu không được nuôi cả hai con chung thì anh đề nghị được nuôi con chung Hán Thành T; xét đề nghị của anh Th1 về yêu cầu được nuôi cả hai con chung là chưa phù hợp vì vợ chồng anh chị có hai con chung, cần giao cho mỗi người nuôi 01 con chung để đảm bảo tốt nhất các điều kiện chăm sóc các con chung và trách nhiệm của cha, mẹ; do đó nên giao con chung Hán Thành T cho anh Th1 nuôi dưỡng là phù hợp.

Chị Th không có yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên không đề cập; Tại phiên Tòa anh Th1 không có yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên không đề cập; khi nào có yêu cầu sẽ được xem xét giải quyết theo yêu cầu cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn.

Về tài sản chung: Các đương sự thống nhất không có nên không xét.

Về khoản nợ chung: Các đương sự thống nhất không có, nên không xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Duyên Th phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo : Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ n gày tuyên án . Viện kiểm sát nhân dân cấp trên có quyền kháng nghị trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày tuyên án .

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố M , tỉnh Quảng Ninh là phù hợp , có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278; khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ: Khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ: Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Căn cứ: Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Duyên Th về việc "*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con*".

1.*Về tình cảm*: Xử cho chị Nguyễn Thị Duyên Th được ly hôn với anh Hán Văn Th1.

Do đó, Giấy chứng nhận kết hôn số 58 ngày 27/09/2010 do Ủy ban nhân dân xã H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh không còn giá trị pháp lý

2. *Về con chung:* Giao con chung Hán Bình Y, sinh ngày 16/3/2012 cho chị Nguyễn Thị Duyên Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên (đủ 18 tuổi); giao con chung Hán Thành T, sinh ngày 31/01/2017 cho anh Hán Văn Th1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên (đủ 18 tuổi).

Việc cấp dưỡng nuôi con chung không yêu cầu.

Các đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích của con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Duyên Th phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí: 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị Th đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố M, theo biên lai thu tiền số 0000390 ngày 05/10/2020.

4. Về quyền kháng cáo: Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 07/01/2021. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

5. Về quyền kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên có quyền kháng nghị bản án trong thời hạn 01 (một) tháng, kể từ ngày tuyên án; ngày 07/01/2021.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKS;
- Thi hành án;
- Các đương sự;
- Án văn+ lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Thanh Phương